

Bản án số: 143/2017/HSST

Ngày 13/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Nghiêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Hữu Anh, ông Lừ Văn Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Quý, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 146/2017/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Điều Thị Ph, tên gọi khác: không, sinh năm: 1983; nơi ĐKKHKT: Bản CQ, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Ng giáo viên mầm non; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 27-QĐ/UBNDTHU ngày 01/9/2017 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy, huyện Q; con ông: Điều Chính C (đã chết) và bà Lò Thị T, có chồng: Lò Văn Th, có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Điều Thị Y, tên gọi khác: không, sinh năm: 1975; nơi ĐKKHKT: Xóm 7, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Ng giáo viên mầm non; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; đảng phái, đoàn thể: không; con ông: Điều Chính Q (đã chết) và bà Lò Thị M, có chồng: Lường Văn D, có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/5/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Những người bị hại:**

1. Bà Điều Thị L, sinh năm: 1964; nơi ĐKNKTT: Bản P2, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La, có mặt.

2. Ông Lò Văn Đ, sinh năm: 1954; nơi ĐKNKTT: Bản P2, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La, có mặt.

3. Anh La Văn V, sinh năm: 1967; nơi ĐKNKTT: Bản S, xã MC, huyện Q, tỉnh Sơn La, vắng mặt. Ủy quyền cho anh Hà Văn H (là chồng) có mặt.

4. Chị Mè Thị L2, sinh năm: 1986; nơi ĐKNKTT: Bản X, xã O, huyện Q, tỉnh Sơn La, có mặt.

5. Anh Lò Văn Ng, sinh năm: 1971; nơi ĐKNKTT: Bản G, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La, có mặt.

6. Ông Lò Văn D2, sinh năm: 1964; nơi ĐKNKTT: Bản ph, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Điêu Thị Ph, trú tại bản CQ, xã M, huyện Q là Giáo viên trường Mầm non HB, xã B, huyện Q. Năm 2014, nghe thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng về việc Ủy ban nhân dân huyện Ch và Q tổ chức thi tuyển công chức, với mục đích chiếm đoạt tài sản Ph nói với Điêu Thị Y (giáo viên dạy cùng trường), Ph có người quen làm ở Sở Nội vụ nên có thể xin được chỉ tiêu cho người khác đi làm trong ngành giáo dục tại huyện Q và huyện Ch, nếu ai có nhu cầu thì giới thiệu cho Ph để Ph xin giúp, chi phí xin việc từ 90.000.000đ đến 100.000.000đ/1 trường hợp, mỗi trường hợp Ph sẽ trích lại cho Y 5.000.000đ.

Tin vào lời nói của Ph và để được hưởng lợi từ việc nhận tiền, nhận hồ sơ, Điêu Thị Y đã gặp một số người quen đang có nhu cầu xin việc làm cho con, cháu. Y giới thiệu Y có người quen làm ở Sở Nội vụ có khả năng xin việc cho nhiều người, nếu ai có nhu cầu thì Y sẽ giúp, chi phí xin việc từ 90.000.000đ đến 130.000.000đ/1 trường hợp (Y đưa ra chi phí cao hơn để được nhận số tiền Ph trích lại + với số tiền chênh lệch so với chi phí Ph đưa ra). Từ tháng 10/2014 đến tháng 5/2015, Điêu Thị Y đã nhận hồ sơ và tiền của 06 trường hợp với tổng số tiền 718.000.000đ. Y đã chuyển cho Điêu Thị Ph 590.000.000đ, Y hưởng lợi 128.000.000đ.

Hành vi của các bị cáo được thể hiện như sau:

1. Nhận tiền của Điêu Thị L để xin việc cho Lò Văn Đ2:

Khoảng tháng 9/2014, Điêu Thị Y biết gia đình bà Điêu Thị L (chị họ của Y) trú tại bản P2, xã M, huyện Q đang có nhu cầu xin việc cho con trai là Lò Văn Đ2 đã tốt nghiệp Trường Cao đẳng sư phạm Hải Dương nhưng chưa xin được việc làm. Y gọi điện cho L trao đổi nội dung “Y có người bạn học cùng chuyên nghiệp tên là Nguyễn Thị Th nhà ở phường Quyết Thắng thành phố Sơn La làm ở Phòng Nội vụ huyện Ch, chồng là P giám đốc Sở Nội vụ nên có thể xin cho Đ2 làm giáo viên tiểu học tại huyện Ch nhưng phải chi phí xin việc là 100.000.000đ”. Tin vào lời nói của Y, bà L đồng ý nhờ Y xin việc cho Đ2. Ngày 13/10/2014, bà L đi cùng với Đ2 đến nhà riêng của Y ở Xóm 7, xã M,

huyện Q đưa cho Y 100.000.000đ và 01 bộ hồ sơ mang tên Lò Văn Đ2. Khi nhận tiền Y viết Giấy biên nhận tiền với nội dung nhận tiền để xin việc, hẹn đến ngày 20/11/2014, Đ2 sẽ có quyết định tuyển dụng. Sau khi nhận tiền Y đã đưa cho Điều Thị Ph 100.000.000đ cùng với bộ hồ sơ của Đ2, Ph đã trích lại cho Y 10.000.000đ.

Đến thời gian hẹn không thấy Đ2 có quyết định đi làm, bà L đã gọi điện yêu cầu Y trả lại số tiền đã đưa, Y nói số tiền trên đã đưa cho Thủy chưa lấy lại được, để tránh việc bà L đòi tiền, ngày 15/6/2015, Ph và Y viết 01 Giấy cam kết trả tiền giữa Thủy và Y với nội dung *“tháng 11/2014, Y đã đưa tiền cho Nguyễn Thị Thủy để xin việc cho Đ2, nhưng đến thời gian hẹn Đ2 không được đi làm như Thủy đã cam kết nên yêu cầu đến tháng 6/2015 Thủy phải trả tiền cho Y để Y trả lại số tiền đã nhận cho bà Điều Thị L”* đưa cho bà L giữ. Đến cuối tháng 10/2015, Ph, Y gọi điện cho bà L nói đợt này có chỉ tiêu ở huyện Q, nhưng phải nộp thêm 40.000.000đ. Ngày 3/11/2015 Y và Ph đến nhà bà L nhận số tiền 40.000.000đ. Số tiền trên Y đưa hết cho Ph.

Như vậy, Điều Thị Ph và Điều Thị Y đã nhận từ bà L 2 lần với tổng số tiền 140.000.000đ. Y đưa cho Ph 130.000.000đ; Ph trích lại cho Y 10.000.000đ. Sau khi nhận tiền Ph và Y không thực hiện như đã cam kết với bà L mà chiếm đoạt chỉ tiêu sử dụng cá nhân. Do bị đòi tiền nhiều lần, ngày 20/6/2016, Điều Thị Ph đã trả cho bà Điều Thị L 40.000.000đ, Ph còn chiếm đoạt của bà L 90.000.000đ; Y 10.000.000đ.

2. Nhận tiền của Lò Văn Đ để xin việc cho Lò Thị Qh:

Tương tự như trường hợp của Điều Thị L, Điều Thị Y quen biết gia đình ông Lò Văn Đ trú tại bản P2 thông qua bà Lò Thị Ló (chị họ Y). Qua nói chuyện, biết ông Đ có con gái là Lò Thị Qh đã tốt nghiệp khoa sư phạm Trường Đại học Hùng Vương chưa xin được việc làm, Y nói Y có bạn làm ở Phòng nội vụ huyện Ch nên có thể xin cho Qh làm giáo viên mầm non tại huyện thuận Châu, chi phí xin việc là 100.000.000đ. Do có nhu cầu xin việc làm cho Qh, ông Đ đã đồng ý nhờ Y xin cho Qh đi làm giáo viên tại huyện Ch. Ngày 13/10/2014, ông Đ đã đến nhà Y tại Xóm 7, xã M, huyện Q đưa cho Y 100.000.000đ cùng với bộ hồ sơ mang tên Lò Thị Qh. Y viết Giấy biên nhận tiền với nội dung nhận tiền xin việc, hẹn đến ngày 20/11/2014 Qh sẽ nhận được quyết định. Sau khi nhận tiền từ ông Đ, Y đã đưa cho Ph 100.000.000đ và 01 bộ hồ sơ mang tên Lò Thị Qh, Ph đã trích lại cho Y 5.000.000đ. Số tiền đã nhận Ph, Y đã sử dụng chỉ tiêu cá nhân. Đến hẹn, không thấy Qh có quyết định đi làm như Y đã cam kết, ông Đ đã nhiều lần đòi tiền nhưng Y khất lần không trả, ông Đ đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Y và Ph với Cơ quan điều tra.

3. Nhận tiền của Mè Thị L2 để xin việc cho L2 thông qua Điều Chính L3:

Khoảng tháng 10/2014, Điều Chính L3 trú tại Xóm 1, xã M, huyện Q đến nhà Điều Thị Y chơi. Qua nói chuyện, biết con gái riêng của ông Liên là Mè Thị

L2 chưa xin được việc làm, với mục đích nhận tiền để hưởng lợi, Y nói Y có bạn làm ở Sở Nội vụ nên có thể xin được việc cho L2, với chi phí là 100.000.000đ. Ông L3 đã về trao đổi lại nội dung trên với vợ chồng Mè Thị L2. Do đang có nhu cầu xin việc làm, L2 đã đưa cho Ông Liên 100.000.000đ nhờ ông Liên đưa cho Y để Y xin việc làm giúp. Ngày 29/10/2014, ông L3 đến nhà Y đưa cho Y 100.000.000đ và 01 bộ hồ sơ mang tên Mè Thị L2 (có giấy biên nhận tiền xin việc), Y hẹn đến tháng 11/2014 L2 sẽ có quyết định đi làm. Sau khi nhận tiền từ ông Liên, Y đã đưa cho Ph 95.000.000đ; giữ lại 5.000.000đ. Đến thời gian hẹn, không thấy L2 có quyết định, ông L3 đã gọi điện đòi lại số tiền đã đưa nhưng Y khất lần không trả. Đầu tháng 10/2015, khi biết huyện Q tổ chức thi tuyển công chức, Ph và Y gọi điện cho ông L3 nói L2 làm lại hồ sơ nộp vào Phòng nội vụ để thi tuyển, Y sẽ nhờ người giúp cho L2 thi đỗ nhưng phải nộp thêm 30.000.000đ. L2 đã đưa thêm cho ông L3 30.000.000đ. Ngày 16/10/2015, ông Liên đưa cho Y 30.000.000đ tại quán Bốn Mùa Xóm 7, xã M huyện Q. Y đã đưa cho Ph 25.000.000đ và giữ lại 5.000.000đ. Để tạo lòng tin cho ông Liên và L2, ngày 1/1/2016, Ph sử dụng máy tính làm giả Quyết định Mè Thị L2 được tuyển dụng vào công tác tại Trường Mầm non xã Kh. Ph chụp Quyết định bằng điện thoại và gửi qua Zalo cho Y để Y gửi qua Zalo cho ông Liên. Y nói nếu muốn đổi quyết định cho L2 về Trường Mầm non xã O thì phải nộp thêm 8.000.000đ. Tháng 01/2016 ông Liên đưa thêm cho Y 8.000.000đ. Như vậy Điều Thị Y đã nhận của ông Điều Chính L3 ba lần với tổng số tiền là 138.000.000đ. Y đã đưa cho Ph 120.000.000đ, Y giữ lại 18.000.000đ. Sau khi nhận tiền Ph, Y không thực hiện cam kết mà chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân. Một năm sau không thấy L2 được đi làm, ông Liên và L2 đã đến gặp Y đòi lại số tiền đã đưa. Tháng 3/2017 Ph đã trả lại cho L2 4.000.000đ, Ph và Y còn chiếm đoạt của L2 134.000.000đ (Ph 116.000.000đ, Y 28.000.000đ).

4. Nhận tiền của La Văn V để xin việc cho La Thị Nh

Tháng 10/2014, La Thị Nh sinh năm 1993, trú tại xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đến nhà bà Lò Thị Lại (cô ruột của Lò Văn V chồng Nh) chơi, được bà Lại giới thiệu có em dâu là Điều Thị Y có khả năng xin việc cho nhiều người. Do đang có nhu cầu xin việc làm nên Nh đã xin bà Lại số điện thoại và trực tiếp gọi điện cho Y. Y nói, hiện ở Q đang có chỉ tiêu giáo viên tiểu học, Y có mối quan hệ rộng nên có thể xin cho Nh vào làm giáo viên ở huyện Q, nhưng phải chi phí xin việc là 120.000.000đ. La Thị Nh đã trao đổi lại nội dung trên với ông La Văn V (bố đẻ Nh) trú tại bản S, xã MC, huyện Q. Ông V đồng ý nhờ Y xin việc cho Nh. Ngày 27/10/2014, ông La Văn V đi cùng với La Thị Nh, Lò Văn V (chồng Nh) và Lò Thị Phún (dì của Nh) đến nhà Y, đưa cho Y 120.000.000đ và 01 bộ hồ sơ mang tên La Thị Nh (có Giấy biên nhận tiền để xin việc). Sau khi nhận tiền Y đã đưa cho Ph 95.000.000đ, giữ lại 25.000.000đ. Sau một thời gian không thấy Nh có quyết định đi làm ông V đã đòi lại số tiền đã đưa, để trốn tránh việc ông V đòi tiền, Ph đã làm 01 Quyết định tuyển dụng giả sau đó sử dụng điện thoại chụp lại Quyết định và gửi qua Zalo cho Y để Y gửi

cho Nh. Sau một thời gian không thấy Nh được đi làm, La Văn V đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ph và Y với Cơ quan điều tra.

5. Nhận tiền của Lò Văn Ng để xin việc cho Lò Văn Th:

Tháng 11/2014, Lò Văn Ng trú tại bản G, xã C, huyện Q biết Điều Thị Y (em dâu Ng) đang xin việc cho một số trường hợp, do đang có nhu cầu xin việc cho con trai là Lò Văn Th đã tốt nghiệp Trường Cao đẳng sư phạm chưa xin được việc làm, Ng đã gọi điện nhờ Y xin việc cho Th. Y đồng ý xin cho Th làm giáo viên tiểu học tại xã G, huyện Q với chi phí là 120.000.000đ. Ngày 20/11/2014, Lò Văn Ng đi cùng với Lò Văn Th (con trai), Lò Văn Tụ và Lò Văn Th2 (họ hàng với Ng) đến nhà Y đưa cho Y 120.000.000đ và 01 bộ hồ sơ mang tên Lò Văn Th (có giấy biên nhận tiền để xin việc), hẹn đến 25/11/2014 Th sẽ có quyết định đi làm. Đến thời gian hẹn, không thấy Th có quyết định đi làm, ông Ng đòi lại Y số tiền đã đưa nhưng Y khất lần không trả. Tháng 11/2015, khi huyện Q tổ chức thi tuyển công chức năm 2015, Y nói sẽ nhờ Hội đồng xét tuyển giúp Ng thi đỗ công chức, nhưng phải nộp thêm 35.000.000đ. Ngày 16/10/2015 ông Ng đưa thêm cho Y 35.000.000đ. Như vậy, Điều Thị Y đã nhận của Lò Văn Ng 2 lần với tổng số tiền là 155.000.000đ. Sau khi nhận tiền Y đã đưa cho Ph 120.000.000đ, Y giữ lại 35.000.000đ. Để tạo lòng tin, Ph làm giả quyết định tuyển dụng mang tên Lò Văn Th gửi vào Zalo của Y để Y gửi qua Zalo cho Ng; ngày 17/2/2016, Điều Thị Ph còn sử dụng sim rác soạn tin nhắn gửi cho ông Ng với nội dung “*UBND huyện Q thông báo Lò Văn Th đến Phòng nội vụ huyện nhận quyết đi làm*”. Đến hẹn Lò Văn Ng đến UBND huyện hỏi thì biết thông tin trên là giả mạo. Lò Văn Ng đã nhiều lần tìm Y để đòi lại số tiền đã đưa, nhưng Y khất lần không trả, ông Ng đã làm đơn tố cáo hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ph và Y với Cơ quan điều tra.

6. Nhận tiền của Lò Văn D2 để xin việc cho Lò Thị P:

Tương tự như trường hợp của Lò Văn Ng, Lò Văn D2 trú tại bản ph, xã C huyện Q biết Ng đang nhờ Y xin việc cho con trai, do đang có nhu cầu xin việc cho con gái là Lò Thị P đã tốt nghiệp Cao đẳng Sơn La chưa xin được việc làm, ông D2 đã xin Ng số điện thoại, trực tiếp gọi điện nhờ Y xin việc cho P. Qua trao đổi Y nói: “*Đang có 2 suất đi làm quản lý thư viện, thiết bị trường học nhưng phải chi phí xin việc là 50.000.000đ*”. Ngày 21/5/2015, ông D2 đi cùng với Ng đến gặp Y tại quán nước Quang Nho, gần Công an huyện Q đưa cho Y 50.000.000đ. Đến tháng 10/2015 Ph, Y gọi điện cho ông D2 nói phải nộp thêm 20.000.000đ để nhận quyết định đi làm. Do không đủ tiền, ngày 17/10/2015, bà Hoàng Thị C (vợ ông D2) đến nhà Y đưa thêm cho Y 15.000.000đ. Như vậy Điều Thị Y đã nhận của gia đình ông Lò Văn D2 2 lần với tổng số tiền là 65.000.000đ. Y đưa cho Điều Thị Ph 30.000.000đ, Y giữ lại 35.000.000đ, số tiền trên Ph, Y không đi xin việc cho P như đã cam kết mà chiếm đoạt sử dụng.

Quá trình điều tra Điều Thị Ph và Điều Thị Y khai nhận: Mặc dù các bị cáo không quen biết ai và cũng không có khả năng xin việc, nhưng để có tiền chi

tiêu, Điều Thị Ph và Điều Thị Y đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra các thông tin sai sự thật để nhận tiền của 06 trường hợp với tổng số tiền là 718.000.000đ. Trong đó Điều Thị Ph chiếm đoạt 590.000.000đ; Điều Thị Y chiếm đoạt 128.000.000đ. Trước khi bị tố giác Điều Thị Ph đã trả cho Điều Thị L 40.000.000đ; Mè Thị L2 4.000.000đ. Tổng cộng là 44.000.000đ. Như vậy, Điều Thị Ph, Điều Thị Y đã chiếm đoạt 06 trường hợp tổng số tiền là 674.000.000đ. Trong quá trình điều tra, Điều Thị Ph đã nộp 60.000.000đ, Điều Thị Y đã nộp 18.000.000đ.

Bản Cáo trạng số 08/VKS–P3 ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Điều Thị Ph, Điều Thị Y về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ quan điểm truy tố và đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Điều Thị Ph, Điều Thị Y phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; Điểm b, l, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Điều Thị Ph từ 10 đến 11 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; Điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Điều Thị Y từ 08 đến 09 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Điều Thị Ph bồi thường cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt là 486.000.000đ, bị cáo Điều Thị Y bồi thường cho các bị hại số tiền 110.000.000đ

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của những người bị hại: nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về việc yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt và đề nghị xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Để có tiền chi tiêu cho cá nhân, từ tháng 10/2014 đến tháng 5/2015 Điều Thị Ph và Điều Thị Y đã đưa ra những thông tin sai sự thật như: có người quen làm ở Sở Nội vụ nên có thể xin được chỉ tiêu cho người khác đi làm trong ngành giáo dục tại huyện Q, huyện Ch để chiếm đoạt của 06 trường hợp với tổng số tiền là 674.000.000đ.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai, đơn tố cáo của những người bị hại, phù hợp với kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La về chữ viết và chữ ký trong các giấy biện nhận tiền, giấy cam kết trả tiền, thư tay, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Điều Thị Ph, Điều Thị Y đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: các bị cáo là người có nhận thức, ý thức được hành vi trái pháp luật nhưng vẫn cố ý cùng nhau thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của những người bị hại với tổng số tiền 674.000.000đ. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường những người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo, răn đe phòng ngừa chung.

[4] Khi lượng hình cần xem xét nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải mong muốn được phục thiện; các bị cáo đã tích cực bồi thường được một phần để khắc phục hậu quả thiệt hại cho các bị hại; các bị cáo có bố, mẹ để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, Bằng khen trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ, nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; riêng đối với bị cáo Điều Thị Ph phạm tội khi đang mang thai nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm l khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này bị cáo Điều Thị Ph là người chủ mưu, người khởi xướng giữ vai trò chính, bị cáo Điều Thị Y thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm, giúp sức tích cực nên cần áp dụng Điều 53 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với bị cáo. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, do đó cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình xử dưới khung hình phạt cho các bị cáo.

[5] Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung (*phạt tiền, tịch thu tài sản*) theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật Hình sự, song xét thấy các bị cáo hoàn cảnh khó khăn không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Điều Thị Ph đã nộp cho Cơ quan điều tra 60.000.000đ, bị cáo Điều Thị Y đã nộp 18.000.000đ để khắc phục hậu quả. Ngày 05/7/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã ra quyết định xử lý vật chứng số: 148/QĐ-PC45 trả cho Lò Văn Ng 18.000.000đ (số tiền Điều Thị Y nộp khắc phục hậu quả); trả cho Điều Thị L 20.000.000 đồng; Lò Văn Đ 20.000.000 đồng; Mè Thị L2 (do ông Điều Chính Liên nhận) 20.000.000 đồng (số tiền do Điều Thị Ph nộp khắc phục hậu quả) là có căn cứ cần chấp nhận.

Tại phiên tòa, những người bị hại yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt còn lại chưa trả, xét có căn cứ cần buộc các bị cáo phải bồi cho những người bị hại, cụ thể:

- Bị cáo Điều Thị Ph phải bồi thường: cho bà Điều Thị L số tiền 70.000.000đ, cho ông Lò Văn Đ 75.000.000đ, cho chị Mè Thị L2 96.000.000đ, cho anh La Văn V 95.000.000đ, cho anh Lò Văn Ng 120.000.000đ, cho ông Lò Văn D2 30.000.000đ.

- Bị cáo Điều Thị Y phải bồi thường: cho bà Điều Thị L số tiền 10.000.000đ, cho ông Lò Văn Đ 5.000.000đ, cho chị Mè Thị L2 18.000.000đ, cho anh La Văn V 25.000.000đ, cho anh Lò Văn Ng 17.000.000đ, cho ông Lò Văn D2 35.000.000đ.

Ngoài ra, người bị hại Mè Thị L2 còn đề nghị bị cáo Điều Thị Y phải trả lại số tiền 8.000.000đ mà L2 đã đưa cho Y trả nợ ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Y, nếu Y không trả tiền thì bán nhà của Y như đã thỏa thuận. Xét thấy, đây là giao dịch dân sự giữa Mè Thị L2 và Điều Thị Y không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bị cáo nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

Như vậy, bị cáo Điều Thị Ph phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền 486.000.000đ cho những người bị hại, bị cáo Điều Thị Y có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 110.000.000đ.

[7] Đối với Nguyễn Thị Th, Trần Hồng D, Trần Sỹ N, Nguyễn Cao H, Phạm Minh T là những người đứng tên trong Giấy cam kết nhận tiền với Điều Thị Y. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra xác minh: Không có ai có tên, tuổi và địa chỉ như đã ghi ở trong giấy cam kết, đây là những đối tượng do Y nghĩ ra để tránh việc các bị hại đòi tiền, do vậy không có căn cứ điều tra xác minh để xem xét trách nhiệm đối với những đối tượng này.

[8] *Vật chứng vụ án*: Đối với thẻ ATM, chứng minh nhân dân đều mang tên Điều Thị Y không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo Y.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo, là tài sản của các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Điều Thị Ph, Điều Thị Y phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, l, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Điều Thị Ph 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Điều Thị Y 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Chấp nhận bị cáo Điều Thị Ph đã hoàn trả cho bị hại Điều Thị L số tiền 20.000.000đ; cho bị hại Lò Văn Đ số tiền 20.000.000đ; trả cho bị hại Mè Thị L2 số tiền 20.000.

- Chấp nhận bị cáo Điều Thị Y đã hoàn trả cho bị hại Lò Văn Ng số tiền 18.000.000đ.

- Buộc bị cáo Điều Thị Ph phải bồi thường cho những người bị hại tổng số tiền là 486.000.000đ (bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng). Trong đó: Bồi thường cho bị hại Điều Thị L số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng); bồi thường cho bị hại Lò Văn Đ số tiền 75.000.000đ (bảy mươi năm triệu đồng); bồi thường cho bị hại La Văn V số tiền 95.000.000đ (chín mươi năm triệu đồng); bồi thường cho bị hại Mè Thị L2 số tiền 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng); bồi thường cho bị hại Lò Văn Ng số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng); bồi thường cho bị hại Lò Văn D2 số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

- Buộc bị cáo Điều Thị Y phải bồi thường cho những người bị hại tổng số tiền là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng). Trong đó: Bồi thường cho bị hại Điều Thị L số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng); bồi thường cho bị hại Lò Văn Đ số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng); bồi thường cho bị hại La Văn V số tiền 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng); bồi thường cho bị hại Mè Thị L2 số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng); bồi thường cho bị hại Lò Văn Ng số

tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng); bồi thường cho bị hại Lò Văn D2 số tiền 35.000.000đ (ba mươi năm triệu đồng).

4. Vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả cho bị cáo Điều Thị Y: 01 chứng minh nhân dân mang tên Điều Thị Y có số 050341896 do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 19/11/2013; 01 thẻ ATM do ngân hàng AGRIBANK phát hành, trên mặt in số 9704050730730780 và dòng chữ DIEU THI YEN.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại di động, trong đó 01 chiếc nhãn hiệu Xphone Model X11, vỏ màu đỏ, đen 2 IMEI có 04 số cuối 5743, 5750 (của Điều Thị yến); 01 chiếc nhãn hiệu GIONEE Model G5, vỏ hồng nhạt IMEI có 04 số cuối 8169, viên máy tại vị trí lỗ cắm tai nghe bị biến dạng vênh lên (của Điều Thị Ph).

5. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Bị cáo Điều Thị Ph phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 23.440.000đ (hai mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch.

- Bị cáo Điều Thị Y phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch.

Các bị cáo, người bị hại, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 13/9/2017./.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối Cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Phòng NVKT-THA;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Xuân Nghiêm